

## **XII**

# **MƯỜI CĂN BẢN CỦA HÀNH ĐỘNG CÔNG ĐỨC**

## **PHẦN HAI: NHÓM “GIỚI HẠNH”**

*(Sila)*

## **NỘI DUNG**

1. Định Nghĩa Về Giới-Hạnh (Sila)
2. Tính Chất, Chức Năng, Biểu Hiện & Nguyên Nhân Kê Cận Của Giới-Hạnh
3. Giới-Hạnh Đối Với Phật Tử Tại Gia
4. Năm Giới-Hạnh & Những Giới-Hạnh Của Bát Chánh Đạo
5. Tám Giới-Hạnh
6. Mười Giới-Hạnh
7. Những Phẩm Cấp & Những Loại Giới-Hạnh
8. Những Ích Lợi Của Giới-Hạnh
9. Sự Tôn Kính (Apacayana)
10. Sự Lễ Phép & Phụng Sự Người Khác (Veyyavacca)
11. Sách & Tài Liệu Tham Khảo

## I

### **Định Nghĩa Giới Hạnh (Sila)**

Giới-hạnh (*Sila*) là **nền tảng của tất cả mọi hành-động công đức**. Điều này là do khi sự cố-ý (tư) hay ý-định làm việc gì mà không có giới-hạnh (đức hạnh) thì sẽ thiếu đi những yếu tố Không Tham, Không Sân, Không Si, là 03 gốc-rễ cần thiết để tạo nên công-đức.

Ngay cả hành-động bố thí, nếu cả hai người cho và người nhận đều thiếu đức hạnh, thì kết quả sẽ chẳng được lợi ích gì nhiều. Giới-Hạnh được định nghĩa như sau:

#### **(1) Giới-Hạnh về Ý-Định, về Kiên-Cữ, và về Thực Hành**

Theo như Bát Thánh Đạo, có 03 phần tạo nên những tiêu-chuẩn của Giới-Hạnh, đó là:

- **Chánh Nghiệp**, là hành động đúng đắn; sự kiên cữ những hành động sai trái như sát sinh, gian cấp, tà dâm.
- **Chánh Ngữ**, là lời nói đúng đắn; sự kiên cữ những lời nói sai trái, tà ngôn, tà ngữ, ví dụ như: không nói dối nói láo, không nói lời vu khống, không nói lời lăng mạ, sỉ nhục, không nói chuyện tầm phào, vô ích.
- **Chánh Mạng**, là những công việc, nghề nghiệp, sự mưu sinh chân chính đúng đắn; sự kiên cữ những công việc hay sự mưu sinh sai trái, bất chính, thất đức, trái đạo lý, ví dụ như: không buôn bán vũ khí giết chóc, không buôn bán thịt động vật, rượu hay những chất độc hại, hay làm bất cứ nghề nghiệp hay sự mưu sinh nào phải dùng những hành động sai trái, lời ăn tiếng nói sai trái, lừa lọc, dối trá...

03 yếu tố tinh thần là Chánh Nghiệp, Chánh Ngữ, Chánh Mạng được gọi là 03 **Giới-Hạnh về Kiên Cữ**. Những tâm-ý, ý-định, tâm-tư (hay ý-hành) đi theo thì được gọi là **Giới-Hạnh về Ý-Định**. Ý-định hay ý-hành giúp cho một người thực hiện bốn phận đối với những người lớn tuổi, hay những vị thầy bằng cách Tôn Kính và Phục Vụ hay Phụng sự, thì được gọi là **Giới-Hạnh về Thực Hành**.

## (2) Giới-Hạnh về Không Tham, Không Sân, Không Si

- Lòng **Tham** khiến con người muốn có được thêm nhiều tài sản, khoái lạc, muốn chiếm hữu thêm nhiều. Khi một người dẹp bỏ tâm tham-dục bằng sự nỗ-lực tinh tấn, thì sẽ khởi sinh **ý-hành dẹp-bỏ** và **không-tham** (vô tham). Những yếu tố này được gọi là Giới-Hạnh.
- **Sân** hận, thù ghét khiến con người muốn hãm hại người khác, làm khởi sinh ra những tư tưởng sai trái hay **ác ý**. Khi một người dẹp bỏ những tâm sân hận bằng sự nỗ-lực tinh tấn, thì sẽ khởi sinh **ý-hành dẹp-bỏ** và **không-sân** (vô sân). Những yếu tố này được gọi là Giới-Hạnh.
- **Si** mê, mù quáng khiến con người tin rằng có một ‘linh hồn’ bất diệt, thường hằng, hoặc sự không tin vào **Quy Luật về Nghiệp** (*Kamma*), làm khởi sinh những tư tưởng sai lầm, hay **tà kiến**. Khi một người dẹp bỏ những niềm tin sai lạc đó bằng sự nỗ-lực tinh tấn, thì sẽ khởi sinh **ý-hành dẹp-bỏ** và **không-si** (vô si). Những yếu tố này được gọi là Giới-Hạnh.

► Những loại Giới-Hạnh được mô tả ở (1) và (2) trên đây thì được áp dụng, thực hành và tu tập bởi cả Tăng, Ni và

những Phật tử tại gia. Ngoài ra, những Tăng Ni còn phải tuân giữ **Giới-Hạnh về Kiềm-Chế** để ngăn chặn không cho khởi sinh những ô-nhiễm và tránh xa việc vi phạm giới-hạnh và những giới-luật.

### (3) **Giới-Hạnh về Kiềm-Chế** (được thực hành bởi những Tăng, Ni xuất gia)

Có 05 loại Giới-Hạnh Kiềm-Chế mà những Tăng Ni phải thường xuyên tuân giữ:

- (1) Sự Kiềm-Chế bằng **Giới-Luật Tỳ Kheo (Patimokkha)**, hay **227 điều luật** căn bản đối với Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni.
- (2) Sự Kiềm-Chế bằng **Sự Chánh-Niệm**, để phòng hộ *sáu cửa giác-quan*. Đó là sự phòng hộ sáu căn cảm-nhận.
- (3) Sự Kiềm-Chế bằng **Trí-Tuệ**, để phòng hộ *tâm*, bằng loại trí-tuệ nhìn thấu suốt (minh sát) có được nhờ sự tu tập thực hành thiền-quán (thiền minh sát).
- (4) Sự Kiềm-Chế bằng **Sự Kiên-Nhẫn**, bằng sự kiên nhẫn chịu đựng, đặc biệt trong đối mặt với những âu lo và phiền khổ hàng ngày, ví dụ như: sự nóng bức, sự lạnh giá, ruồi, muỗi, côn trùng, hoặc những điều kiện, hoàn cảnh khó khổ khác.
- (5) Sự Kiềm-Chế bằng **Sự Nỗ-Lực Tinh Tấn**, là nỗ lực, cố gắng để né tránh mọi công việc và hành động sai trái, kiêng cử những điều bị cấm bởi Giới Luật.

## II

### Tính Chất, Chức Năng, Biểu Hiện & Nguyên Nhân Cận Kề Của Giới Hạnh

Theo các luận giảng:

- Giới-Hạnh có **Tính Chất** là **giàn xếp** và **giới hạn** (*silana*) những hành-động của thân và lời-nói của một người. Một người có giới-hạnh hay biết giữ giới-hạnh thì luôn luôn quan sát rất kỹ càng và cẩn thận những hành-động của thân và lời-nói của mình, để hướng những hành động đó xảy ra một cách đúng đắn dưới sự kiểm soát của mình. Một người thiếu giới-hạnh hay không biết giữ giới-hạnh thì những hành-động, lời-nói cứ xảy ra một cách tùy tiện, không có kiểm soát, không cần biết đúng sai. (Và trở thành người thất đức, thiếu về giới-hạnh, thiếu hụt về đức-hạnh)

Giới-Hạnh có **tính chất hộ giúp duy trì** như là một **căn bản, nền tảng** cho mọi hành-động công đức, bởi vì không thể có một hành-động công đức nào mà không dựa vào giới-hạnh để thành tựu hết.

- **Chức Năng** của **Giới-Hạnh** gồm 05 phần, một công đôi việc: (1) **ngăn ngừa phòng hộ** một người để không làm những hành-động, lời-nói sai trái ngược giới-hạnh và đạo đức, (2) **giúp một người có được những phẩm chất cao quý**, có đức hạnh, không tội lỗi, đáng khen.
- Giới-Hạnh được **biểu hiện, được thể hiện bằng sự trong-sạch** (thanh tịnh) trong hành-động, trong lời-nói

và trong tâm-ý (biểu hiện bằng 03 nghiệp thân, miệng, ý)

- **Nguyên Nhân Cận Kề** của việc giữ Giới-Hạnh chính là **Sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức (hiri)** và **Sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức (ottappa)** khi làm những hành động sai trái, trái giới-hạnh, trái đạo đức. Mặc dù sự nghe học Giáo Pháp (*Dhamma*) sẽ làm khởi sinh giới-hạnh nhưng điều đó chỉ là nguyên-nhân ban đầu, nguyên nhân từ xa. Chỉ có **sự biết xấu-hổ, sự biết sợ-hãi** những hành-động sai trái và thất đức là 02 nguyên nhân trực diện liên tục, thì việc giữ-giới mới được ý thức và duy trì.

**Sự Xấu-Hổ về mặt đạo đức** khởi sinh từ **bên trong** và **sự biết Sợ-Hãi** mặt đạo đức thì khởi sinh từ **bên ngoài**. Những người thường được gọi là người tốt, người có lòng trắc ẩn thường xuyên tự nguyện làm những việc tốt hay những việc phúc đức vì tự mình cảm thấy xấu hổ *nếu không làm*, chứ không phải bị bên ngoài thúc ép phải làm. Tuy vậy, họ cũng luôn luôn làm việc đúng đạo lý, vì những lý do sợ hãi bị mọi người nhìn thấy, bị mọi người chê trách *nếu không làm*, hoặc sợ quy luật nghiệp báo và quả báo từ bên ngoài đưa đến khi một hành động đạo lý đã không được thực hiện.

Giống như có một thanh sắt, một đầu bị dính chất dơ bẩn góm ghiếc, một đầu thì đang bị đun đỏ. Người không dám chạm vào đầu dơ bẩn vì cảm thấy bẩn thỉu, còn không dám chạm vào đầu lửa đỏ kia là sợ bị cháy tay. **Sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức** giống như trường hợp thứ nhất; và **sự biết sợ-hãi về mặt đạo đức** thì giống trường hợp thứ hai vậy.

### III

## Giới Hạnh Đối Với Những Phật Tử Tại Gia

Đối với những Phật tử tại gia, giới-hạnh căn bản là việc tuân giữ **Năm Giới**. Năm Giới-Hạnh này là điều kiện **tối cần thiết**, bởi vì *nếu không giữ giới, thì những hành động sát sinh, gian cấp, tà dâm, nói dối, và uống rượu hay dùng những chất độc hại... đã là trái đạo đức, và chắc chắn dẫn con người kiếp sau tái sinh vào những cảnh giới thấp hèn, khổ đau.*

Nhóm Năm Giới-Hạnh này bao gồm Chánh Nghiệp, Chánh Ngữ, và Chánh Mạng tạo thành một khuôn khổ Tám (8) Giới-Hạnh, trong đó lấy giới-hạnh Chánh Mạng làm giới thứ tám, tức là thêm 03 điều nữa vào trong Năm Giới. Tám Giới (hay Bát Giới) này, theo con đường Bát Thánh Đạo, được gọi là **Chánh Mạng Giới** (*Ajivatthamaka Sila*), bao gồm các giới:

1. Không sát sinh
2. Không gian cấp
3. Không tà dâm
4. Không nói dối
5. Không nói lời vu khống, hãm hại
6. Không nói lời lăng mạ, không chửi bới, sỉ nhục.
7. Không nói chuyện tầm phào, vô nghĩa, vô ích;
8. Không làm nghề nghiệp hay sự mưu sinh bất chính sai trái (tức giữ chánh Mạng).

Đây là những giới-hạnh cần phải được thực hành ở giai đoạn ban đầu của Bát Thánh Đạo.

Khi Đức Phật xuất hiện trên trái đất này, loài người còn đang sống trong màn đêm của Tham, Sân, Si và không hiểu biết về giá trị về giới-hạnh nào. Để bắt đầu khắc chữ “**Giới-Hạnh**”, Đức Phật đã dạy về việc Kiên Cữ, tránh làm những hành-động sai trái, tránh nói những lời-nói sai trái, và tránh những công việc hay sự mưu sinh sai trái bất chính trong lúc tâm của loài người còn quá thô thiển và phàm tục.

Sau đó, mọi người bắt đầu tránh được một số những điều sai trái đó, Đức Phật mới bắt đầu giảng dạy về “**Năm Giới**”, rồi “**Tám Giới**” như chúng ta vừa nói trên, để làm cho tâm trí con người thêm trong sạch thêm một bước nữa.

## IV

## Năm Giới-Hạnh & Những Giới-Hạnh Trong Bát Thánh Đạo

Nếu mới nhìn, thì Năm Giới có vẻ là “ít” hơn, là “nhỏ hơn”, giống như phần nằm lọt trong số những Giới-Hạnh của Bát Thánh Đạo, vì trong Bát Chánh Đạo có thể thêm những giới kiêng *khác* về lời-nói (chánh ngữ), trong khi đó trong Năm Giới thì chỉ có một giới kiêng về lời-nói đó là “*không nói dối nói láo*” có trong chi phần Chánh Ngữ.

Tuy nhiên trong 4 loại “tà ngữ”, thì sự “nói-dối” là nghiêm trọng nhất, “nói-dối” là nền tảng dẫn đến việc vi phạm những giới kiêng khác thuộc “chánh-ngữ” khác. Nói ngắn gọn, khi một người đã nói vu không, nói lảng mạ, nói chuyện tầm phào... thì cũng thuộc dạng nói dối, vì 03 kiểu nói đó cũng không đúng sự thật, không đúng với sự thật. Đức Phật cho rằng, một người nếu **kiêng giữ** giới-hạnh “**không nói dối**” thuộc Năm Giới thì thường người đó cũng có khả năng giữ được những giới khác thuộc chi phần “Chánh Ngữ” thuộc Bát Thánh Đạo.

Còn vấn đề là tại sao **Chánh Mạng không có mặt trong nhóm Năm Giới**? Câu trả lời là nằm ở chỗ nếu ai đã thực hành kiêng giữ Năm Giới, thì đã không còn vấn đề kiêng giữ giới “Chánh Mạng” thuộc Bát Thánh Đạo. Vì đã giữ Năm Giới, thì mặc nhiên người đó đã sống hay làm những việc đúng theo giới-hạnh trong chi phần “Chánh Mạng”, vì người đó đã không làm những việc sát-sinh, gian-cắp, tà-dâm, nói-dối... trong công việc hay trong sự mưu sinh của mình rồi. Nếu một người tuân thủ ‘chính xác’ theo Năm Giới, thì **tự động họ đã tránh xa những công việc nghề nghiệp sai trái!**

► Do vậy không có chuyện coi Năm Giới là nhỏ bé hay thấp kém về mức độ hơn những chi phần giới-hạnh thuộc Bát Thánh Đạo

Nói cách khác, việc tuân thủ thực hành Bát Thánh Đạo là cần thiết cho những Phật tử tại gia có mức độ đức-hạnh thấp, chưa hoàn-toàn hiểu thấu đạo lý, để giúp cho họ tránh khỏi những thói quen thấp hèn, thất đức, trái đạo đức.

Nhưng đối với Phật tử tại gia đã nhiều đức-hạnh, đã tuân giữ Năm Giới cẩn thận, đã quy y nương tựa vào **Tam Bảo** (và **Năm Giới**), thì không còn vấn đề cần thiết đặc biệt để họ phải kiêng giữ những chi phần giới-hạnh thuộc Trong Bát Thánh Đạo (vì đó cũng không khác phần Năm Giới). Tương tự như trong ví dụ: một **con thú dữ** cần phải được giam trong chuồng để nó khỏi gây ra tai nạn, trong khi đó một **con thú đã thuần chủng**, biết vâng theo lời, thì được thả đi rong xung quanh. Người đã kiêng giữ Năm Giới thì không cần phải kiêng giữ những chi phần giới-hạnh thuộc Bát Thánh Đạo nữa, vì điều đó không cần thiết nữa.

## V

### Tám Giới

Tám Giới-Hạnh trong tiếng Pali là “*Atthanga Uposatha Sila*”, trong đó “*Atthanga*” có nghĩa là Tám, “*Uposatha*” là lễ Bó-tát, trong dịp lễ này những Phật tử thường tuân thủ Tám Giới bằng sự thực hành trai giới rất nghiêm túc. Còn được gọi là lễ “Trai Giới” hay “Bát Quan Trai Giới” (HV).

Ngày nay, những Phật tử thường tuân thủ 4 ngày Trai Giới (*Uposatha*) trong một tháng, tức bốn ngày chay tịnh, đó là: **Ngày Mồng 1, Ngày Mồng 8, Ngày Rằm 15 và Ngày 23.**

(Ngày Mồng 8 AL là ngày thứ 8 trăng đầy lên trước Rằm, và Ngày 23 AL là ngày thứ 8 trăng khuyết đi sau Rằm). (ND)

Ở những nước Phật giáo, những Phật tử đức hạnh thì tự chọn nơi nào thuận tiện để tu tập Tám Giới, thăm viếng Chùa, tu viện để thực hiện những việc bố thí cúng dường, nghe học Giáo Pháp, và tham gia vào những lớp Thiền tập trong ngày lễ Trai Giới “*Uposatha*”. Tám Giới cần phải tuân giữ trong những ngày đó là:

- (1) Không sát sanh,
- (2) Không gian cấp,
- (3) Không nói dối; và
- (4) Không uống rượu hay dùng chất độc hại.

(04 giới-hạnh đầu này được gọi là “*Những Giới Phải Kiêng Cữ*” (*Varitta Sila*).)

(5) Không dâm dục (tức cũng không quan hệ tình dục, kể cả chính dâm, vợ chồng),

(6) Không ăn sau giờ Ngọ,

(7) Không ngồi ghế cao, sang hay nằm giường cao, sang.

(8) Không ca hát, nhảy múa, không trình diễn này nọ, không trang điểm, không đeo vòng hoa, trang sức, không xức dầu thơm... để làm đẹp.

— Theo luận giảng: 04 giới đầu được gọi là “**Giới Phải Kiên Cữ**” (*Varitta Sila*) bởi vì nếu vi phạm những giới này hiển nhiên sẽ dẫn đến tái sinh vào những cảnh giới thấp xấu, đau khổ.

— Tuy nhiên, 04 giới sau nếu vi phạm thì có thể, hoặc có thể không, dẫn đến tái sinh ở những cảnh giới thấp xấu đau khổ, vì điều đó còn tùy thuộc vào việc phạm giới **có đi kèm hay không đi kèm với những quan-điểm sai lạc (tà kiến) hay không**. Những đệ tử tại gia thánh thiện (*ariya*) như bà Visakha và ông Cấp Cô Độc (*Anathapindika*) là những người chưa diệt hết Tham-dục; vẫn còn quan hệ tính dục (chính dâm) với chồng và vợ của mình; vẫn còn ăn sau giờ Ngọ; vẫn đàn ca, nhảy múa, còn coi nghe múa nhạc, còn trang sức làm đẹp, còn ngồi trên ghế cao sang, ngủ trên giường cao sang xa hoa; nhưng đối với họ những hành-động không giữ 04 giới sau như vậy là không đi kèm với những quan-điểm sai lạc (tà kiến) hay ngược đạo, cho nên họ không bị tái sinh vào những cõi xấu ác đau khổ.

— Thái độ tinh thần của những Phật tử thánh thiện đối với những khoái-lạc giác-quan (dục lạc) thì khác với thái độ của những kẻ phàm phu tục tử. Như trong các kinh có đưa ra ví dụ so sánh rằng, những Bà-la-môn đích thực thanh tịnh khi

bị voi dữ đuổi chạy thì thường không nhảy vào những chỗ ẩn núp dơ bẩn như hầm phân, hầm rác... Cũng giống như vậy, đối với những nhục-dục thì có những thánh Phật tử chưa diệt sạch những ô-nhiễm này (như 02 vị đại thí chủ của Đức Phật vừa nói trên), thì họ “trải nghiệm” chúng mà không có những tà kiến trong tâm. Ngược lại, những kẻ phàm phu tục tử thì ngập đầu vào khoái-lạc giác-quan với những tư tưởng sai lạc và tà kiến khác nhau, (ví dụ đa số người ta dính vào chủ nghĩa chạy theo dục-vọng khoái-lạc giác-quan (dục ái), đó là tư tưởng cho rằng cứ hưởng thụ càng nhiều thú vui nhục-dục càng tốt, bằng mọi giá, vì chẳng có kiếp sau hay quả báo gì gì cả ...)

— Khi một người đã quy y Tam Bảo và tuân giữ theo **Năm Giới**, thì người đó đã trở thành một **đệ tử đức hạnh của Đức Phật**. Nếu người đó cố gắng tuân giữ luôn **Tám Giới**, thì có nghĩa người đó muốn thực hành việc giữ-giới tâm linh ở mức độ cao hơn. Trong ý nghĩa này, 04 giới-hạnh sau (của Tám Giới) là những giới mang tính **tự nguyện** và được gọi là **Những Giới Cần Thực Hành (Caritta Sila)**.

— Còn đối với những Tỳ kheo hay Sa-di, Đức Phật đã quy định tất cả các giới-hạnh đều là những **Giới Phải Kiên Cữ, Phải Tránh Bỏ (Varitta Sila)**.

## VI

### Mười Giới

“**Mười Giới**” là sự mở rộng ra từ “**Tám Giới**” vừa nói trên, trong đó giới thứ tám lại được phân thành 02 giới riêng là giới (8) và (9). Đó là:

(8) Không nhảy múa, ca hát, không trình diễn này nọ.

(9) Không trang điểm, đeo vòng hoa, trang sức, không thoa dầu thơm... để làm đẹp.

Vậy đã có 09 giới, và bây giờ thêm một giới riêng nữa, đó là:

(10) Không nhận vàng bạc (*Jatarupa rajata patiggahana*).

Như vậy, tổng cộng là “**Mười Giới**”.

Theo *Luận Giảng Kinh Tiểu Tụng (Khuddakapath)*:

*"Bạc ở đây là những đồng tiền kahapana, hoặc có thể là đồng tiền xu kim loại masaka, hoặc có thể là đồng tiền gỗ masaka, hoặc đồng tiền bằng đất sét masaka, và tương tự, được dùng để trao đổi, mua bán thương mại. Trong bối cảnh hiện đại, nghĩa “vàng, bạc” là bao gồm cả “tiền mặt”.*

▶ “**Mười Giới**” này là bắt buộc, tức những “**Giới-Hạnh Phải Kiên Cữ**” (*Varitta Sila*) đối với Tỳ kheo và Sa-di.

▶ Nhưng đối với Phật tử tại gia thì chỉ 04 giới đầu là bắt buộc phải kiên cữ (*Varitta Sila*), còn 06 giới sau là những “**Giới Cần (nên) Thực Hành**” (*Caritta Sila*).

## VII

### Những Phẩm Cấp & Những Loại Giới Hạnh

Cũng giống như những hành động công đức, phẩm cấp của Giới Hạnh được quyết định bởi mức-độ của 04 Yếu Tố Tiềm Năng (04 *Iddhipada*), đó là:

**Sự Mong Muốn,  
Sự nỗ Lực,  
Tâm Tư, Ý Định, và  
Sự Hiểu-Biết phân biệt những điều khác nhau.**

Khi những yếu tố này yếu kém, trung bình, hay mạnh mẽ thì Giới-Hạnh tương ứng sẽ là **Thấp Kém, Trung Bình**, hay **Ưu Việt**.

(a) Giới-Hạnh được thực hành vì danh, vì ham danh, là loại giới-hạnh Thấp Kém.

(b) Giới-Hạnh được thực hành vì mong muốn có được phước quả, muốn có công quả một hành-động công đức là giới-hạnh Trung Bình.

(c) Giới-Hạnh được thực hành để đạt được trạng thái cao thượng, thông qua sự hiểu-biết là “một người nên thực hành với tâm-tư hay ý-định thiện lành là để đạt được sự trong sạch và thánh thiện tâm linh của mình” thì đó là giới-hạnh Ưu Việt, cao thượng.

Giữa hai loại giới-hạnh nói ở trang trước, thì **Giới Hạnh Cần (nên) Thực Hành (*Caritta Sila*)** chỉ có thể thực hiện được khi một người có đầy đủ niềm-tinh và sự nỗ-lực.

- Niềm-tin là sự tự tin vào Quy Luật của Nghiệp (Kamma), chẳng hạn như Nghiệp quả tốt theo sau những Nghiệp tốt do một người thực hành tốt việc kiêng giữ giới-hạnh.

- Sự nỗ-lực có nghĩa là sự tinh tấn luôn có để dùng vào việc thực hành giới-hạnh, cùng với niềm-tin. Đó gọi là Chánh Tinh Tấn.

Đối với ***Giới Hạnh (phải) Kiêng Cữ (Varitta Sila)***, niềm-tin là yếu tố đã đủ giúp cho người ta tránh không làm những điều trái đạo đức mà Đức Phật đã khuyến cáo.

Giới-Hạnh được những Phật tử tại gia tuân giữ thì được gọi là ***Giới-Hạnh Tại Gia (Gahattha Sila)***. Về điểm này, trong quyển ***Thanh Tịnh Đạo (Visuddhi Magga)*** có ghi như sau:

**“Năm Giới tuân giữ thường xuyên,  
Mười Giới những khi có thể, và  
Tám Giới vào ngày Trai Giới,  
là giới-hạnh mà những Phật tử tại gia tuân theo.”**

## VIII

## Những Ích Lợi Của Giới-Hạnh

Bằng cách Kiêng Cữ, không phạm vào những hành-động, lời-nói và những công-việc không đúng đắn, không chân chánh, thì một người có được phẩm-hạnh tốt đẹp, người đó sẽ **“không có gì phải ân hận”**, đó là một ích lợi của việc giữ giới-hạnh. Một người tuân giữ giới-hạnh thì luôn được những người xung quanh, bạn bè yêu mến và tôn trọng.

Sự **“không ân hận”** (sự vô ngại) sẽ dẫn đến niềm vui *hoan-hỷ* (*pīti*, *hỷ*) và *hạnh-phúc* (*sukha*, *lạc*), theo sau là sự *tĩnh-lặng* (*passadhi*), là nguyên nhân cận kề để đạt đến Chánh Định (*samadhi*). Khi tâm đã đạt định, một người có thể thâm nhập thấu suốt nhìn thấy bản chất đích thực của mọi sự vật **“đúng như nó thực là”** (*yathabhūta-nāna*) nhờ trí tuệ Minh Sát (*vipassana*) và chứng ngộ được Trí Tuệ của thánh Đạo và thánh Quả (*magga-phala nāna*). Vì vậy, Giới-Hạnh có rất nhiều ích-lợi, bắt đầu từ việc an-tâm, sự không ân-hận hay vô-ngại, cho đến lúc kết quả chung cuộc là Niết-bàn (*Nibbana*).

Đức Phật cũng đã đề cao đến **05 ích-lợi** có được khi một người biết tuân giữ Giới-Hạnh và được thiết lập bản thân trong Giới-Hạnh, đó là:

- (1) Có được nhiều **vận phúc giàu có** vì đã nỗ lực giữ giới.
- (2) Có được **thanh danh** và nổi tiếng.
- (3) Có thể đến gặp và tham dự những hội chúng của những những thánh nhân, những Bà-la-môn, những

gia chủ, hay những tu sĩ với một sự **tự tin hoàn toàn**, không sợ sệt hay ngại ngùng.

- (4) Sống **hết tuổi thọ** của kiếp sống và **chết một cách tự tại**, không sợ hãi, ăn năn, hay hối hận.
- (5) Sau khi chết, **được tái sinh trong một cảnh giới phúc lành** như cõi thiên thần và trời hay cõi người.

## IX

### Sự Tôn Kính

Theo định nghĩa về Giới-Hạnh (*Sila*) thì sự tôn kính (*apacayana*) nằm trong những **Giới Hạnh Cần (nên) Thực Hành**. Trong *Chú Giải Bộ Pháp Tụ* (*Atthasalini*), thì định nghĩa về sự tôn kính được ghi như sau:

“*Sự tôn kính là một căn bản của hành động công đức nên được biết là hành động đến gặp một người lớn tuổi, mang bát và y cho người ấy, đánh lễ người ấy và nhường chỉ lối đi cho người ấy*”.

Cách giảng giải này hàm ý nói về một thái độ khiêm nhường, lễ phép, **không cao ngạo**, cùng thể hiện bằng những thái độ thân tình, lời nói và hành động cung kính với những người lớn tuổi.

Không phải chỉ vậy, mà phải thực sự tôn kính người lớn tuổi ở trong lòng, xung hô đúng mực phép tắc, dùng lời lễ lễ phép, cúi chào họ, đứng dậy khi họ bước vào, và nhường chỗ ngồi cho họ, phục vụ họ trước tiên, và đối xử họ như những bậc đáng tôn kính nhất.

Trong *Bộ Kinh Liên Kết* (*SN I, 177*), Đức Phật đã giảng dạy rõ hơn về vấn đề đức hạnh này, khi Phật hàng phục tính cao ngạo của một Bà-la-môn ngạo mạn ở Savatthi. Người đàn ông trẻ này không cung kính cha mẹ, thầy giáo, và cả người anh cả của mình. Khi Đức Phật đang thuyết giảng giáo pháp cho một hội chúng, người này tỏ ra rất cao ngạo, và Đức Phật đã đọc được những ý nghĩ của anh ta, lúc đó, Đức Phật đọc một câu kệ, chỉ cho Bà-la-môn tên ‘Cao Ngạo’ này thấy

được tâm của anh ta giống như một quyển sách đang được mở ra.

Ngay lúc bị người khác đọc được tâm mình, anh ta trở nên khiêm nhường và trước sự ngạc nhiên của đám đông, anh ta cúi xuống quỳ lễ Đức Phật. Sau khi Đức Phật yêu cầu anh ta quay về chỗ ngồi của mình, anh ta bèn đặt những câu hỏi như sau:

*“Đối với ai một người phải tỏ ra lễ phép? Ai thì một người phải tỏ ra tôn kính? Ai thì một người phải nhường bước và tôn trọng? Phải tôn thờ ai là tốt?”*

**Đức Phật đã trả lời những câu hỏi này như sau:**

*“Đối với **mẹ** và **cha** mình, một người phải lễ phép; đối với anh **trai cả** và thứ tư là đối với **người thầy**. Những người này, một người phải tôn kính. Đối với những người này, một người phải nhường bước và tôn trọng. Tôn kính họ là điều tốt. Và những bậc **A-la-hán**, hết ô nhiễm, điềm tĩnh, đã làm xong những việc cần phải làm, là những bậc vô đẳng hiền hậu, miễn nhiệm và biết phải trái. Hãy dập tắt tính cao ngạo của mình và tôn kính họ.”*

### **(a) Sự Tôn Kính Giữa Những Người Phật Tử Tại Gia**

(i) Giữa những người trong hàng Phật tử tại gia, thì bậc **Cha, Mẹ là được tôn kính đầu tiên**, vì họ có công sinh đẻ, đưa chúng ta vào cuộc đời, nuôi chúng ta lớn lên, và luôn luôn cầu mong cho chúng ta được hạnh phúc và thành đạt. Trong Bộ Kinh Tăng Chi (**AN i, 62**), Đức Phật đã nói rằng, nếu một người đặt mẹ lên một vai và cha lên một vai để hầu hạ 100 năm, thì cũng không bao giờ trả hết ơn cha mẹ được.

Nhưng nếu một người khuyến khích, tạo điều kiện giúp cha mẹ **thực hành bổ-thí** và giữ **giới-hạnh** và **thiết lập niềm-tin vào Tam Bảo** và có được sự hiểu-biết **trí tuệ**, thì người đó có thể đền đáp được công ơn cha mẹ.

Trong *Mười Vấn Đề Của Chánh Kiến*, sự hiểu biết về sự “*Có nghiệp quả trong hành-động của một người đối với cha mẹ*” góp phần tạo nên chi phần Chánh Kiến. Vì vậy, mọi người cần luôn luôn tâm niệm sự tôn kính cha mẹ trong mọi lời-nói, ý-nghĩ và hành-động của mình.

(ii) **Anh, Chị, Họ Hàng** cũng là những người xứng đáng được kính trọng, bởi vì họ là những người cùng chăm lo, bảo vệ và giúp đỡ chúng ta cùng với cha mẹ, hoặc những khi cha mẹ bận rộn hay vắng mặt. Những **người thầy, cô giáo** dạy chúng ta cũng xứng đáng được tôn kính, bởi vì họ đã dạy cho chúng ta biết đọc, biết viết, dạy nghề nghiệp, và khoa học cho chúng ta.

Ở những nước Phương Đông, việc kính trọng người lớn tuổi (kính lão đắc thọ) là cử chỉ thể hiện sự trưởng thành của một người. Bằng cách kính trọng người lớn tuổi, một người sẽ có được nhiều ích lợi, vì người lớn tuổi khi được kính trọng thường bỏ công ra khuyên dạy, chỉ dẫn những kinh nghiệm của mình cho người trẻ; và vì thông thường người lớn tuổi không chỉ dạy những kinh nghiệm cho những kẻ vô lễ và ít thân thiện với mình. Khi tôn trọng và giúp đỡ người lớn tuổi, một người sẽ được 04 ích-lợi là nghiệp quả như sau: **tuổi thọ càng cao, vẻ đẹp, sự sung sướng và sức mạnh**.

Đối với những Phật tử, **sự tôn kính lớn lao nhất** được dành cho **Tam Bảo**, đó là nơi nương tựa tối cao bao gồm **Đức Phật, Giáo Pháp và Tăng Đoàn**, vì đó là những đối-tượng

cao quý nhất, đáng tôn thờ nhất, là nơi nương tựa cao quý nhất của một người (Xem thêm Chương Quy Y Tam Bảo). Vì lý do này, mà những thành viên hay thánh tăng trong Tăng Đoàn luôn được kính trọng bởi những Phật tử. Khi gặp Tăng Ni những Phật tử luôn luôn đánh lễ và cúi đầu xá lạy để biểu thị lòng tôn kính. Khi tôn kính và đánh lễ Tăng Ni, những Phật tử sẽ được ích-lợi là sự buông-bỏ, xả-bỏ hết niềm cao ngạo hay tự mãn. Tăng Ni cũng luôn luôn vui mừng truyền dạy giáo pháp cho những Phật tử kính tăng, được xem là đối-tượng (xứ, *gocara*)) thích hợp để Tăng Ni thực hiện những việc công đức và cảm ơn đối với những chúng sinh.

### **(b) Lòng Kính Trọng Giữa Những Thành Viên Tăng Đoàn**

Khi một người trở thành Tỳ kheo (Tăng) hay Tỳ kheo ni (Ni), người đó đã từ bỏ cuộc sống gia đình và trở thành người xuất gia. Giáo Pháp và Giới Luật được xem như là người **Cha**, và người đệ tử được coi là người con. Người đệ tử xuất gia phải tuân thủ những giới-luật nghiêm ngặt đối với người thầy, và trong đó có việc **tôn kính** và **phụng sự đã được quy định rõ trong Luật Tạng, nếu không thực hiện đúng có thể phạm tội *dukkata*** (tác ác, những tội làm điều sai quấy).

► Giới-Luật cũng quy định rõ thái độ lễ phép của một Tỳ kheo nhỏ tuổi đối với Tỳ kheo lớn tuổi, phải xưng hô bằng “**ngài**” hay “**thầy**” (*Bhante*), trong khi những Tỳ kheo lớn tuổi có thể gọi người nhỏ tuổi bằng “**đạo hữu**” hay “**bạn**” (*Avuso*). Một Tỳ kheo phải nhớ rõ ngày giờ được thọ giới vào Tăng Đoàn để biết được tuổi hạ của mình mà biết cách xưng hô với những Tỳ kheo hay Tăng Ni khác.

Tương tự vậy, những Sa-di cũng phải hết mực kính trọng những Tăng Ni, cho dù những Tăng Ni có thể chỉ mới được

thụ giới Tăng Đoàn. Bằng cách này, sự hòa hợp trong Tăng Đoàn sẽ luôn luôn được gìn giữ.

Thông thường, một Tỳ kheo chỉ được phép làm một người thầy để ban sự thọ-giới cho một Tỳ kheo mới nếu vị thầy Tỳ kheo đó đã có được hơn 10 tuổi Hạ. Ngoài ra vị thầy Tỳ kheo đó phải được biết (công nhận) là thông thuộc Kinh, Luật. Ở Miến Điện, những Tỳ kheo đã qua 10 tuổi hạ thì được gọi là “**Sayadaw**”, có nghĩa là “Su”, “Thầy”, được được xưng hô một cách đáng kính.

## X

### Sự Lễ Phép & Phụng Sự

Tự Điển “*Childers' Pali Dictionary*” dịch chữ “*veyyacacca*” là sự phục vụ, sự phụng sự của một người ở vị trí vai vế thấp kém hơn đối với một người cao thượng hơn. Nó cũng hàm ý về **thái độ lễ phép**, nhún nhường có trong tâm, không còn cao ngạo, khi thực hiện việc phục vụ cho người khác. Quyển “*Chú Giải Bộ Pháp Tụ*” (*Atthasalini*) thì định nghĩa như sau:

*“Phụng sự là căn-bản của hành-động công đức nên được biết, qua đó chúng ta thực hiện bốn phận lớn và nhỏ đối với những bậc trưởng lão, chẳng hạn, như khi chúng ta tiếp nhận bình bát của một vị Tỳ Kheo mà chúng ta thấy vừa bước vào làng để khát thực và để đầy thức ăn và mang dâng cho vị ấy, hoặc đi nhanh đến và tiếp nhận bình bát hoặc khi nghe lời kêu gọi “Đến tiếp nhận bình bát của vị Tỳ kheo”.*”

#### (a) Sự Lễ Phép & Phụng Sự Giữa Những Phật Tử Tại Gia

Đối với những Phật tử tại gia, việc phục vụ hay phụng sự có nghĩa là phụng sự cha mẹ mình và những bậc trưởng lão và hoàn thành những công việc theo ý muốn của họ.

Những dạng phụng sự khác bao gồm việc chăm sóc người bệnh, người già neo đơn, những người ở viện dưỡng lão, trại tế bần, lo lắng cho những nhu cầu của họ. Sự phụng sự lễ phép như việc chăm sóc người bệnh, người già yếu đã được Đức Phật đề cao. Những **hành động lễ phép** như làm ‘công quả’ đối với cộng đồng, chùa chiền, đền tháp, như giúp quét dọn, lau chùi sạch sẽ ở Chùa, Tu Viện, nấu ăn, phục vụ thức

ăn, rửa chén bát,... cũng là những sự phụng sự đầy công đức. Nghiệp quả tốt cho những hành động công đức này là **sẽ được giúp đỡ khi cần, sẽ được toại nguyện mong ước** của mình sau này và sẽ có **người giúp đỡ**, người giúp việc sau này giúp đỡ mình.

### **(b) Bốn Phận Phục Vụ Giữa Những Tỳ Kheo, Tăng Ni**

Về phần những những Tỳ kheo: một số bốn phận phải phục vụ cho vị thầy hay sư phụ của mình như là: giúp làm những việc họ cần, rửa bình bát giùm họ, chăm sóc y phục của họ, mời họ uống nước trong hay sau bữa ăn, chuẩn bị khăn nước cho thầy tắm, quét dọn, lau chùi thất của thầy sạch sẽ...

Về phần những vị thầy: một người thầy phải tận tâm truyền dạy giáo pháp cho đệ tử, và chu cấp cho đệ tử của mình bình bát, y phục, và những vật dụng mà đệ tử mình chưa có. Nếu học trò của mình bị bệnh thì vị thầy phải chăm sóc cho học trò mình đến khi khỏe mạnh.

Đó là những điều luật bắt buộc đối với những Tỳ kheo. Ngoài ra cũng có những ngoại lệ mà người thầy đưa ra và miễn chấp cho học trò của mình, chẳng hạn như khi người học trò có tâm nguyện dành nhiều thời gian ở chỗ ẩn tu cho việc hành thiền (thì không cần phải làm những việc phụng sự cho sư phụ hay sư huynh của mình).

## XI

### Sách & Tài Liệu Tham Khảo

- (1) “*The Expositor*” (Chú Giải Bộ Pháp Tụ - “*Atthasalini*”), bản dịch của Pe Maung Tin, Hội Kinh Điển Pali (PTS), London.
- (2) “*The Great Chronicles of Buddhas, Vol. 1, Part 1, Anudipani*” (Đại Biên Niên Sử Các Vị Phật, Tập 1, Phần 1, Anudipani), tác giả Hòa Thượng Mingun Sayadaw Bhaddanta Vicittasarabhivamsa.
- (3) “*Tự Điển Ngôn Ngữ Pali*”, soạn giả R. C. Childers.
- (4) “*The Mahavagga, Vinaya Texts*” translated by T.W. Rhys Davids and Hermann Oldenberg, Part 1. *Sacred Books of the East, Vol.13*. (Bộ “*Đại Phẩm, Luật Tạng*”, bản dịch của Tiến Sĩ Rhys Davids & Hermann Oldenberg, Phần 1, Thánh Thư Phương Đông, Vol. 13).